

BÁO CÁO

Kết quả rà soát, xác định các xã khu vực III, II, I và áp đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố Cần Thơ

ỦY BAN DÂN TỘC

VĂN BẢN ĐẾN

Số: 904

Ngày: 04 / 02 / 2021

Chuyển đến:

Kính gửi: Ủy ban Dân tộc.

Căn cứ Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021 - 2025.

Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ báo cáo kết quả rà soát, xác định các xã khu vực III, II, I và áp đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số (DTTS) trên địa bàn thành phố như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH DÂN TỘC

Thành phố Cần Thơ có 362.192 hộ, với 1.240.731 người¹. Trên địa bàn thành phố có 25 dân tộc thiểu số (gọi tắt là DTTS) sinh sống với 8.879 hộ², với 31.303 người³, chiếm tỷ lệ 2,52 %/tổng dân số toàn thành phố. Trong đó:

- Dân tộc Khmer có 19.683 người;
- Dân tộc Hoa có 10.925 người;
- Các DTTS còn lại có 695 người.

Đặc điểm cư trú của DTTS trên địa bàn:

- Đồng bào DTTS cư trú đan xen 9/9 quận, huyện tuy nhiên, dân tộc Khmer cư trú có số đông tại huyện Cờ Đỏ, huyện Thới Lai, quận Ô Môn và quận Ninh Kiều; dân tộc Hoa cư trú đông tại trung tâm quận Ninh Kiều; quận Ô Môn; quận Cái Răng và quận Thốt Nốt.

- Đặc điểm cư trú của đồng bào dân tộc là đan xen trong cộng đồng nên việc thực hiện các chính sách phát triển chung của thành phố đồng bào DTTS đều được hưởng lợi, cộng với việc tổ chức thực hiện các chính sách dân tộc, nên cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội như: về giáo dục, về chăm sóc sức khỏe... đều đáp ứng nhu cầu của đồng bào.

¹ Theo Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 08/01/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thành phố Cần Thơ năm 2020.

² Theo Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 08/01/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thành phố Cần Thơ năm 2020.

³ Theo Thông cáo báo chí kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 của Cục Thống kê thành phố..

II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI QUYẾT ĐỊNH SỐ 33/2020/QĐ-TTG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

Căn cứ quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021 – 2025.

Thực hiện Công văn số 342/UBNDT-CSĐT ngày 23 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban Dân tộc về việc Phân định các xã, thôn vùng DTTS&MN theo trình độ phát triển giai đoạn 2021 – 2025.

Ủy ban nhân dân thành phố đã triển khai đến các sở, ban ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các quận huyện tổ chức rà soát, xác định các xã khu vực III, II, I và ấp đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo đúng quy trình, thủ tục tại quyết định số 33/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

III. KẾT QUẢ NHƯ SAU:

1. Kết quả phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo trình độ phát triển giai đoạn 2021 - 2025:

Căn cứ Điều 2 của Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ xác định: Vùng đồng bào dân tộc thiểu số là các xã, ấp có tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số sinh sống từ 15% trở lên.

1.1. Kết quả xã (phường, thị trấn) có từ 15% hộ DTTS trở lên:

Thành phố Cần Thơ có 83 xã, phường, thị trấn, qua rà soát hiện nay có 6 xã, phường, thị trấn có 15% hộ DTTS trở lên, gồm:

TT	Tên xã, phường, thị trấn	Quận, huyện	Tổng số hộ	Số hộ DTTS	Tỷ lệ %
01	Phường Tân An	Quận Ninh Kiều	5.485	919	16,75
02	Phường Châu Văn Liêm	Quận Ô Môn	5.956	927	15,56
03	Thị trấn Cờ Đỏ	Huyện Cờ Đỏ	3.492	779	22,31
04	Xã Thới Xuân	Huyện Cờ Đỏ	1.717	659	38,38
05	Xã Thới Đông	Huyện Cờ Đỏ	1.523	252	16,55
06	Xã Đông Thắng	Huyện Cờ Đỏ	1.176	201	17,09

1.2. Kết quả ấp (khu vực) có từ 15% hộ DTTS trở lên:

Trên địa bàn thành phố Cần Thơ có 630 ấp, khu vực (308 ấp; 322 khu vực), qua rà soát hiện nay có 33 ấp, khu vực có từ 15% hộ DTTS trở lên, gồm:

TT	Tên ấp, khu vực	Tổng số hộ	Số hộ DTTS	Tỷ lệ %	Ghi chú
01	Khu vực 1, phường Tân An	274	84	30,66	Q. Ninh Kiều
02	Khu vực 2, phường Tân An	475	114	24,00	nt
03	Khu vực 3 phường Tân An	464	195	42,03	nt
04	Khu vực 7, phường Tân An	344	126	36,63	nt
05	Khu vực 8, phường Tân An	312	85	27,24	nt
06	Khu vực 9, phường Tân An	429	111	25,87	nt
07	Khu vực 1, phường Xuân Khánh	396	84	21,21	nt
08	Khu vực 3, phường Xuân Khánh	221	40	18,10	nt
09	Ấp Thới Thuận B, TT Thới Lai	650	151	23,23	H. Thới Lai
10	Ấp Thới Phước, TT Thới Lai	139	35	25,18	nt
11	Ấp Định Hòa A, xã Định Môn	365	62	16,99	nt
12	Ấp Định Hòa B, xã Định Môn	275	61	22,18	nt
13	Ấp Định Khánh B, xã Định Môn	309	52	16,83	nt
14	Ấp Thới Bình, xã Thới Thạnh	158	38	24,05	nt
15	Ấp Điền Hòa, xã Thới Tân	90	52	57,78	nt
16	Ấp Thới Hòa B, TT Cờ Đỏ	623	621	99,68	H. Cờ Đỏ
17	Ấp Thới Bình, TT Cờ Đỏ	536	81	15,11	nt
18	Ấp Thới Trường 1, xã Thới Xuân	305	299	98,03	nt
19	Ấp Thới Trường 2, xã Thới Xuân	204	203	99,51	nt
20	Ấp Thới Phước, xã Thới Xuân	149	72	48,32	nt
21	Ấp Thới Hưng, xã Thới Đông	172	69	40,12	nt
22	Ấp Thới Thạnh, xã Thới Đông	115	103	89,57	nt
23	Ấp Đông Thắng, xã Đông Thắng	216	147	68,06	nt

24	Ấp Đông Mỹ, xã Đông Hiệp	144	23	15,97	nt
25	KV Thị trấn, phường Lê Bình	324	115	35,49	Q. Cái Răng
26	Ấp Vĩnh Nhuận, xã Vĩnh Bình	668	205	30,69	H. Vĩnh Thạnh
27	Khu vực 2, P. Châu Văn Liêm	508	104	20,47	Q. Ô Môn
28	Khu vực 3, P. Châu Văn Liêm	613	155	25,28	nt
29	Khu vực 4, P. Châu Văn Liêm	539	129	23,93	nt
30	Khu vực 12, P. Châu Văn Liêm	418	120	28,7	nt
31	Khu vực 15, P. Châu Văn Liêm	350	156	44,57	nt
32	Khu vực Bình Lợi, P. Trường Lạc	345	176	51,01	nt
33	Khu vực Bình Yên, P. Trường Lạc	283	46	16,25	nt

2. Kết quả xã khu vực III, khu vực II và khu vực I thuộc vùng đồng bào DTTS:

2.1. Xã khu vực I thuộc vùng đồng bào DTTS:

Tiêu chí xác định xã khu vực I (xã bước đầu phát triển) như sau:

Xã khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là xã thuộc đối tượng quy định tại Điều 2 của Quyết định 33/2020/QĐ-TTg (có tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số trong tổng số hộ dân sinh sống ổn định thành cộng đồng từ 15% trở lên) và có 1 trong 2 tiêu chí sau:

1. “Có tỷ lệ hộ nghèo dưới 10%”.
2. “Đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới”.

Căn cứ vào Khoản 2, Điều 4 và căn cứ vào tiêu chí phân định vùng đồng bào DTTS, trên địa bàn thành phố Cần Thơ có 06 xã (3 xã; 2 phường; 1 thị trấn) thuộc khu vực I vùng đồng bào DTTS, các xã trên đạt các tiêu chí quy định tại Điều 4, Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (kèm Biểu danh sách xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số phân định theo trình độ phát triển giai đoạn 2021 - 2025).

Trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến cuối năm 2019, 36/36 xã đã đạt chuẩn nông thôn mới và danh hiệu xã văn hóa nông thôn mới; 04/04 huyện đạt chuẩn huyện Nông thôn mới là Phong Điền, Vĩnh Thạnh, Thới Lai và Cờ Đỏ

2.2. Xã Khu vực II thuộc vùng đồng bào DTTS:

Qua rà soát, thành phố Cần Thơ không còn xã khu vực II thuộc vùng DTTS

2.3. Xã khu vực III thuộc vùng đồng bào DTTS:

Qua rà soát, thành phố Cần Thơ không còn xã khu vực III thuộc vùng DTTS

3. Kết quả xác định áp đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào DTTS:

Trên địa bàn thành phố Cần Thơ có 33 ấp, khu vực thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số (có tỷ lệ hộ DTTS từ 15% trở lên).

Căn cứ vào Điều 6, Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg Về tiêu chí xác định áp đặc biệt khó khăn và qua kết quả rà soát, thành phố Cần Thơ không còn áp đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số (33 ấp, khu vực trên có tỷ lệ hộ nghèo dưới 12%).

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Thành phố Cần Thơ đã tổ chức triển khai thực hiện đúng quy trình hướng dẫn tại Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021 - 2025.

Trên đây là Báo cáo kết quả rà soát, xác định các xã khu vực III, II, I và áp đặc biệt khó khăn thuộc vùng DTTS trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

(Đính kèm Biểu danh sách xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số phân định theo trình độ phát triển giai đoạn 2021 - 2025)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT.UBND TP;
- Ban Dân tộc TP;
- VP.UBND TP (3AC,7);
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT.TP

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Tấn Hiển



**DANH SÁCH XÃ THUỘC VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ
PHÂN ĐỊNH THEO TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

(Kèm theo Báo cáo số 21 /BC-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố thành phố)

TT	Thành phố Cần Thơ	Tổng số xã	Tổng số ấp	Hộ			Nghèo				Các điều kiện kèm theo				Thuộc khu vực	Ghi chú
				Tổng số hộ	Số hộ DTTS	Tỷ lệ (%)	Tổng số hộ nghèo	Tỷ lệ (%)	Số hộ nghèo DTTS	Tỷ lệ (%)	ĐK1	ĐK2	ĐK3	ĐK4		
1	2	3	4	5	6	7=6:5 x100%	8	9=8:5 x100%	10	11=10:8 x100%	12	13	14	15	16	17
	Thành phố Cần Thơ	83	630	362,192	8,879	2.45	1036	0.29	126	12.16						
I	Quận Ninh Kiều	11	71	82,334	2774	3.37	122	0.15	12	9.84						
1	Phường Tân An		13	5485	919	16.75	8	0.15	3	37.5					I	VMĐT
II	Quận Ô Môn	7	79	35,178	1,484	4.22	102	0.29	7	6.86						
1	Phường Châu Văn Liêm		11	5,956	927	15.56	9	0.15	3	33.33					I	VMĐT
III	Huyện Cờ Đỏ	10	79	30,476	2,237	7.34	246	0.81	35	14.23						
1	Thị trấn Cờ Đỏ		9	3,492	779	22.31	54	1.55	19	35.19					I	VMĐT
2	Xã Thới Xuân		8	1,717	659	38.38	16	0.93	3	18.75					I	NTM
3	Xã Thới Đông		8	1,523	252	16.55	10	0.66	1	10					I	NTM
4	Xã Đông Thắc		6	1,176	201	17.09	11	0.94	1	9.09					I	NTM